

STT	Tên, địa chỉ nhà, đất (*)	Tỉnh, thành phố (*)	Xã, phường, đặc khu (*)	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trước khi đổi đư (*)	Diện tích đất (m2) (*)	Nguyên giá đất (đồng)	Diện tích sàn xây dựng nhà (m2) (*)	Nguyên giá nhà (đồng)	GTCL nhà (đồng)	Mục đích sử dụng trước khi đổi đư (*)	Hiện trạng nhà, đất trước khi xử lý (*)	Mã đơn vị người ra quyết định bước 1 (*)	Số, ký hiệu Quyết định xử lý bước 1 (*)	Ngày Quyết định xử lý bước 1 (*)	Hình thức xử lý bước 1 (*)	Tình trạng xử lý bước 1 (*)	Ngày hoàn thành xử lý bước 1	Mục đích sử dụng sau khi xử lý	Số tiền dự kiến thu được từ xử lý (đồng)	Đơn vị tiếp nhận nhà, đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Trụ sở Trung tâm dạy nghề (tiếp dân cũ), Thôn Plei Ngok, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi.	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	99,8	51.915.960	67,1	98.816.000	-	Trụ sở làm việc	Bỏ trống	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đã hoàn thành	25/4/2026		14.999.869	T48115015
2	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện cũ (Thôn Đắk Pnc, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi).	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	641	336.525.000	441	1.290.929.000	774.557.440	Trụ sở làm việc	Bỏ trống	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đã hoàn thành	25/4/2027		202.860.000	T48115015
3	Trụ sở làm việc cũ của chi nhánh Agribank (Thôn Plei Ngok, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi).	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	1167,2	612.780.000	438	368.572.682	-	Trụ sở làm việc	Bỏ trống	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đã hoàn thành	25/4/2028		87.600.000	T48115015
4	Trạm y tế thị trấn Đắk Rve cũ (Thôn Đắk Pnc, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi)	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	285	71.820.000	103	168.850.000	13.508.000	Cơ sở y tế	Bỏ trống	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đã hoàn thành	25/4/2029		20.600.000	T48115015
5	Trung tâm dân số thị trấn Đắk Rve cũ (Thôn Đắk Pnc, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi)	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	280	70.560.000	136	165.086.419	-	Khác	Bỏ trống	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đã hoàn thành	25/4/2030		20.434.000	T48115015
6	Đất nhà bác sỹ (Thôn Đắk Pnc, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi)	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	140	35.280.000	45	227.688.619	100.182.989	Khác	Bỏ trống	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đã hoàn thành	25/4/2031		37.737.675	T48115015
7	Phòng giáo dục và đào tạo huyện cũ (Thôn Đắk Pnc, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi)	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	1586,7	329.448.532			-	Cơ sở giáo dục	Hư hỏng, không sử dụng được	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Thanh lý	Đã hoàn thành	25/4/2032		0	T48115015
8	Trụ sở phòng Nông nghiệp và PTNT cũ, Thôn Plei Ngok, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi.	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	364	189.352.800	192,6	255.835.943	-	Trụ sở làm việc	Hư hỏng, không sử dụng được	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Thanh lý	Đã hoàn thành	25/4/2033		0	T48115015
9	Trạm trồng trọt & BVTV cũ (Thôn Kon Cheo Leo, xã Đắk Rve, tỉnh Quảng Ngãi)	T48 Quảng Ngãi	23479 - Xã Đắk Rve	Trung tâm cung ứng DV công ích	750	123.750.000	77	50.219.000	-	Trụ sở làm việc	Hư hỏng, không sử dụng được	T4823479	185/QĐ-UBND	21/4/2026	Thanh lý	Đã hoàn thành	25/4/2034		0	T48115015

Địa chỉ (2): Số nhà, đường phố/ tổ, thôn, xóm

Nguyên giá nhà (9), giá trị còn lại nhà (10): Trường hợp cơ sở có nhiều ngôi nhà thì tính tổng nguyên giá, giá trị còn lại của các ngôi nhà để điền thông tin

Giá trị còn lại nhà (10): Theo thông tin giá trị còn lại tại Quyết định xử lý (đối với nhà, đất đã có QĐ xử lý) hoặc tại thời điểm 31/12/2025 (đối với nhà, đất *Cột (7), (9), (10) không bắt buộc nhập*)

Đơn vị ra quyết định xử lý bước 1 (*) (13): Điền mã đơn vị ra quyết định xử lý bước 1 (theo mã đơn vị trên Phần mềm Tổng kiểm kê)

Hình thức xử lý bước 1 (16): Trường hợp điều chuyển kết hợp chuyển đổi công năng thì chọn hình thức "điều chuyển"

Ngày hoàn thành xử lý bước 1 (18):

Thanh lý: Ngày ký Biên bản phá dỡ, hủy bỏ

Điều chuyển: Ngày ký Biên bản bàn giao, tiếp nhận

Thu hồi: Ngày ký Biên bản bàn giao, tiếp nhận

Chuyển giao về địa phương: Ngày ký Biên bản bàn giao, tiếp nhận với đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận

Chuyển đổi công năng: Ngày đưa vào sử dụng theo công năng mới

Mục đích sử dụng sau khi xử lý, khai thác (19): Trường hợp hình thức xử lý là thanh lý, thu hồi, chuyển giao về địa phương thì không phải chọn thông tin

Số tiền dự kiến thu được từ xử lý (20): Kê khai theo tổng số tiền dự kiến thu được từ xử lý tài sản

Đơn vị tiếp nhận nhà, đất (21): Kê khai trong trường hợp đã hoàn thành xử lý bước 1 theo hình thức thu hồi hoặc chuyển giao (điền mã đơn vị xử lý bước 2a theo mã đơn vị trên Phần mềm Tổng kiểm kê). Đối với Bộ, cơ quan trung ương đã hoàn thành xử lý bước 1 theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì điền mã Đơn vị tiếp nhận nhà, đất theo mã tỉnh/ thành phố

STT	Tỉnh/ Thành phố	Mã PM Tổng kiểm kê
1	Thành phố Hà Nội	T01
2	Thành phố Hải Phòng	T02
3	Thành phố Hồ Chí Minh	T03
4	Thành phố Đà Nẵng	T04
5	Thành phố Cần Thơ	T05
6	Tỉnh An Giang	T06
7	Tỉnh Bắc Ninh	T11
8	Tỉnh Cà Mau	T17
9	Tỉnh Cao Bằng	T18
10	Tỉnh Đắk Lắk	T19
11	Tỉnh Điện Biên	T21
12	Tỉnh Đồng Nai	T22
13	Tỉnh Đồng Tháp	T23
14	Tỉnh Gia Lai	T24
15	Tỉnh Hà Tĩnh	T27

16	Tỉnh Hưng Yên	T31
17	Tỉnh Khánh Hòa	T32
18	Tỉnh Lai Châu	T35
19	Tỉnh Lâm Đồng	T36
20	Tỉnh Lạng Sơn	T37
21	Tỉnh Lào Cai	T38
22	Tỉnh Nghệ An	T41
23	Tỉnh Ninh Bình	T42
24	Tỉnh Phú Thọ	T44
25	Tỉnh Quảng Ngãi	T48
26	Tỉnh Quảng Ninh	T49
27	Tỉnh Quảng Trị	T50
28	Tỉnh Sơn La	T52
29	Tỉnh Tây Ninh	T53
30	Tỉnh Thái Nguyên	T55
31	Tỉnh Thanh Hóa	T56
32	Thành phố Huế	T57
33	Tỉnh Tuyên Quang	T60
34	Tỉnh Vĩnh Long	T61